

Số: 1596 /TB-BV

Thái Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm vật tư y tế phục vụ khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình đợt 2 năm 2023, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình
Địa chỉ: Số 530, phố Lý Bôn, phường Quang Trung, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Mr. Đoàn Quang Đạo - phòng Tài chính kế toán, số điện thoại: 0912.555.229
– email: tcktbvdk@gmail.com.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
- Bản giấy: Gửi về Mr. Đoàn Quang Đạo, phòng Tài chính kế toán, địa chỉ: Số 530, Lý Bôn, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
- File mềm: gửi vào email: tcktbvdk@gmail.com.
- Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 07h ngày 04 tháng 10 năm 2023 đến trước 17h ngày 14 tháng 10 năm 2023.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 14 tháng 10 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục vật tư y tế phục vụ khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình đợt 2 năm 2023 (Chi tiết theo Phụ lục đính theo);
- Địa điểm cung cấp vật tư y tế: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình (Số 530, Lý Bôn, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình).
- Thời gian giao hàng dự kiến: Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Giao hàng làm nhiều lần theo nhu cầu của bệnh viện.



4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng.
- Thanh toán: Thanh toán làm nhiều lần trên cơ sở hoá đơn, biên bản bàn giao, nhiệm thu của từng lần giao, nhận hàng.

5. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp gửi báo giá *theo mẫu đính kèm*.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình kính mời đại diện các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam tham gia báo giá trong thời gian và địa điểm nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KD, TCKT.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lại Đức Trí





Phụ lục: Danh mục vật tư y tế phục vụ khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình đợt 2 năm 2023

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: 1596 /TB-BV ngày 03 tháng 10 năm 2023)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
1.	Clip kim loại cầm máu đường tiêu hóa	Clip cầm máu dùng một lần có thể xoay chiều ; - Chiều dài các cỡ ≥ 1650 mm. Tiêu chuẩn ISO 13485. Tương thích kênh sinh thiết ống soi ≥ 2.8 mm	Cái	250
2.	Gạc phẫu thuật không dệt vô trùng	Kích thước: 7,5cm x 7.5cm x ≥ 6 lớp. Gạc được sản xuất từ vải không dệt thấm hút nhanh. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Miếng	5.000
3.	Găng tay không bột	Chiều dài: ≥ 230 mm. Không bột. Hàm lượng protein: không có protein	Đôi	2.000
4.	Cassettes đúc bệnh phẩm có nắp lỗ to	Bằng nhựa acetylic. có lỗ chữ nhật Khả năng chịu được dung môi cao. phù hợp cho mô bệnh học và các kỹ thuật siêu âm. Các màu sắc khác nhau cải thiện các hoạt động quản lý. Kích thước bên ngoài: 40x26x7 mm Kích thước bên trong: 32x26x5 mm	Cái	7.500
5.	Cassettes đúc bệnh phẩm có nắp lỗ nhỏ	Dùng để xử lý các mẫu mô học nhỏ. làm bằng nhựa acetalic. nắp có thể tháo rời, có lỗ nhỏ. Chịu được thuốc thử mô học như rượu, dung môi và chất khử cặn. chịu được nhiệt độ cao. Kích thước bên ngoài: 40x26x7 mm	Cái	7.500
6.	Băng bột bó	Cuộn dài 2.7m, rộng 10cm/01 cuộn. Bột bó liền gạc	Cuộn	7.200
7.	Bóng đèn hồng ngoại	Dùng trong điều trị bằng chiếu đèn. Hộp 1 cái. Công suất 250W-220 VAC	Chiếc	20
8.	Tăm bông nha khoa vô trùng	Cây cọ được sản xuất bởi chất liệu nhựa Polypropylen an toàn cho bệnh nhân. Tính bền cơ học cao, cứng vững. Sử dụng trong điều trị nội nha.	Cái	1.000
9.	Túi lấy máu 3	Có cấu trúc gồm 3 túi, Mỗi túi dung tích 250ml: + Túi 1: để chứa dung dịch chống đông và bảo quản CPD + Túi 2: để chứa huyết tương + Túi 3: để chứa dung dịch bảo quản hồng cầu AS-5. -	Cái	5.000

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Túi, ống để kim, các đầu ra, nắp van, .. chất liệu PVC;</p> <p>'- Ống dẫn kim: Thép không gỉ. Trong đó: Túi thứ 1 để đựng máu toàn phần, trong túi có 35ml dung dịch chống đông CPD (100ml CPD chứa: Citric Acid; 0,299g; Sodium Citrate: 2.63g, Monobasic Sodium phosphate: 0,222g, Dextrose: 2,55g). Túi thứ 3 chứa 56ml dung dịch bảo quản hồng cầu AS-5 (trong 100ml dung dịch AS-5 chứa: Sodium Chloride: 0.877g; Dextrose: 0.818g; Adenin: 0.030g; Manitol: 0.525g)</p>		
10.	Mũi khoan kim cứng	Thép không gỉ mạ kim cương, sắc, độ bền cao. Hình dạng: hình trụ. nón trụ đầu bằng, chóp nhọn, chóp ngược, tròn. Chiều dài từ 57mm đến 85mm, tương thích tay khoan nhanh WH	Vi	150
11.	Dao phẫu thuật mắt	- Kích thước cắt rộng nhất của dao 2,2 mm - 3,2 mm - Hai mặt vát, chất liệu lưỡi dao tối thiểu bằng thép không gỉ - Góc chéch khoảng 45 độ - Vô khuẩn	Cái	153
12.	Bông xốp cầm máu	Xốp cầm máu tự tiêu gelatin 80x50mm. Hấp thụ hoàn toàn 3-4 tuần. Đóng gói tiệt trùng. tiêu chuẩn ISO, CE và ISO13485	Miếng	10
13.	Miếng xốp cầm máu tự tiêu	Miếng xốp cầm máu tự tiêu bằng Gelatin dạng bột xốp màu trắng tiệt trùng kích thước 70x50x10mm	Miếng	10
14.	Phim nha	Phim X-quang (phim quanh chóp răng) cho phép thấy được các bệnh lý về răng. Kích thước phim: túi đựng 3x17cm, film 3x4 cm	Hộp	4
15.	Đai cổ cứng	Làm từ chất liệu EVA, khóa Velcro, mềm và nhẹ.	Cái	300
16.	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp sợi bện số 4/0	Chỉ tiêu nhanh tổng hợp sợi bện số 4/0, sợi dài tối thiểu 75cm, vật liệu chỉ Polyglactin 910 được bọc bởi chất diện hoạt giúp sợi chỉ trơn láng và không bong tróc; thời gian tiêu hoàn toàn trong khoảng 40 - 45 ngày. 1 kim tam giác ngược, dài tối thiểu 19mm, 3/8 đường tròn, có rãnh dọc thân kim hoặc thiết kế khác giúp dụng cụ kẹp kim giữ được kim	Sợi	6.500

BỆNH
ĐẠI
CỔ

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
		chắc chắn, kim bằng thép không gỉ phủ silicone. Kim và chỉ gắn vào nhau chắc chắn. Kim sắc, chắc chắn. Sợi chỉ mềm mại và có độ đàn hồi tốt, dễ tạo nút buộc chắc chắn. Khi đâm xuyên ít gây tổn thương mô học ít bị chảy máu chân chỉ.		
17.	Quả lọc thận nhân tạo	Màng lọc thận lowflux, chất liệu polysulfon, diện tích bề mặt 1,3 - 1,7 m ² , tiết khuẩn tia Gamma. Đạt chất lượng ISO 13485	Quả	5.000
18.	Bộ catheter chạy thận nhân tạo 2 nhánh	Catheter 2 nhánh thẳng, cong cỡ 12FR, 14 FR, dài 15- 20 cm, được làm bằng chất liệu TPU (Thermoplastic Urethane), có đường cảm quang ISO 13485	Cái	250
19.	Bộ gây tê ngoài màng cứng	- Kim đầu cong Tuohy G18 dài 3 1/4", chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh chắc chắn, dễ cầm ngay cả khi đeo găng ướt - Catheter bằng polyamid trong suốt không bị gãy gập, dài 1000mm, có đường cảm quang ngầm, đầu catheter có 3 lỗ thoát thuốc - Đầu nối catheter dạng nắp bật, tránh tình trạng vặn quá mức gây tắc catheter - Bơm tiêm giảm kháng lực LOR (Loss of Resistance) giúp xác định khoang ngoài màng cứng dễ dàng và chính xác - Màng lọc với kích thước lỗ lọc ≤0.2 μm, tiêm thuốc an toàn và vô khuẩn, miếng dán cố định màng lọc - Có đầy đủ bơm tiêm và kim chích thuốc	Bộ	100
20.	Túi camera	1. Ống ny lon 18 X 230 cm. Dây buộc 2 ly 2 x60 cm 2. Túi nylon 9x14 cm. Dây buộc 2 ly 2 X 30cm Màu sắc đồng đều, có độ trong, bề mặt mịn có độ dẻo dai. + Dây cotton màu trắng, có độ bền cao. Yêu cầu an toàn. Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách, thủng, ko kích ứng da... Được đóng gói trong bao bì giấy có màu chỉ thị tiết trùng đúng trong y tế. Tiết trùng bằng khí EO.Gas	Cái	7.200
21.	Quả bóp huyết áp	Chất liệu cao su. mềm. dễ sử dụng	Quả	50
22.	Ống nghe	Tai nghe dây- bằng nhựa PVC. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016.	Cái	50
23.	Ống cắm panh	Chất liệu inox. Đường kính ≥ 50 mm	Cái	50

TÍNH
H VI
. KH
TÍNH
★

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
24.	Tấm trải Nilon	Kích thước 100*130 cm. Đã tiệt trùng bằng khí E.O. Đạt tiêu chuẩn ISO13485.	Cái	1.000
25.	Khay quả đựng các cỡ	Chất liệu inox. Chiều dài ≥ 200 mm	Cái	150
26.	Khay chữ nhật	Chất liệu inox. kích thước 35x50 cm	Cái	100
27.	Khay chữ nhật	Chất liệu inox, kích thước 23x32 cm	Cái	100
28.	Kéo	Chất liệu thép không gỉ. dài 14 cm - 16 cm	Cái	40
29.	Hộp Inox	Chất liệu Inox. kích thước 10 x 20 cm	Cái	150
30.	Hộp hấp bông, hấp dụng cụ	Chất liệu inox, đường kính 30 cm	Cái	35
31.	Hộp đựng bông cotton các cỡ	Chất liệu inox, đường kính 8 cm	Cái	30
32.	Gương soi vòm họng	Chất liệu thép không gỉ, đường kính ≥ 22 mm, có tay cầm. mặt gương nhỏ	Cái	40
33.	Giấy lọc	Dùng để lọc dung môi. tách tạp chất ra khỏi dung dịch. Đường kính ≥ 190 mm	Hộp	1
34.	Túi oxy	Chất liệu cao su tự nhiên, dung tích ≥ 42 lít	Cái	40
35.	Bình làm ấm Oxy	Dùng trong đồng hồ oxy. Bình bằng nhựa tổng hợp, dung tích khoảng 400ml	Cái	65
36.	Bát inox	Chất liệu Inox, đường kính 8 cm	Cái	50
37.	Hộp Inox trung phẫu có lỗ thoát hơi	Chất liệu Inox. Kích thước 32 x 16,5 x 7 cm	Cái	25
38.	Nhiệt kế thủy ngân	• Được làm từ thủy tinh trong suốt. bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân • Nhiệt độ đo được tối đa 35-42°C	Cái	600
39.	Túi bảo vệ thành vết mổ các cỡ	Túi bảo vệ thành vết mổ chất liệu Polyurethane chống nhiễm khuẩn vết mổ và hỗ trợ nông phẫu trường giúp tối ưu hóa việc quan sát, cấu tạo mềm dẻo với 2 vòng cao su trên dưới. Các cỡ cho vết rạch từ: 2-4cm, 2.5-6cm, 5-9cm. Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương.	Miếng	10

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
40.	Châm gai các màu	Dùng để lấy tủy trong điều trị tủy răng	Cái	360
41.	Chổi đánh bóng răng	Chổi đánh bóng nha chu - Đầu chổi bằng nylon, nhiều hình dạng. Cán chổi bằng thép không gỉ. -Chiều dài từ 2.5-3 cm. - Sử dụng 01 lần - Tiệt khuẩn khô, hơi nước, chịu nhiệt trung bình.	Cái	100
42.	Giấy cắn	Giấy cắn để kiểm tra khớp cắn răng. Hộp 10 tập	Hộp	10
43.	Giấy in máy thử nước tiểu	Chiều dài mỗi cuộn là 30m. Túi 10 cuộn Kích thước: 57mm x 30m. Chất liệu giấy in nhiệt. Đóng gói 10 cuộn/ hộp, không dùng kèm	Cuộn	100
44.	Côn gutta các số 15; 20; 25; 30	Côn dùng trám bít ống tủy, các kích cỡ, độ thuôn 2%, 4%, 6%. Dùng trám bít ống tủy trong điều trị nội nha. Hộp 120 cái	Hộp	250
45.	Hàn ống tủy	Dùng để trám bít ống tủy với vật liệu trám bít hoặc trực tiếp sử dụng với ống tủy các cỡ, chiều dài 25mm	Cái	200
46.	Nong tủy ống các số	Sử dụng trong điều trị nội nha, Chất liệu: Thép không gỉ. kích cỡ 10, chiều dài 21mm, 25mm, 28mm	Cái	600
47.	Ống hút nước bọt	Làm bằng dây không gỉ sét. Chiều dài ≤20 cm. Sử dụng trong điều trị nội nha	Cái	4.000
48.	Ống thổi đo chức năng hô hấp	Túi 100 cái. Các ống đã được tiệt trùng. Tương thích filter máy đo chức năng hô hấp KOKO	Cái	600
49.	Túi ép tiệt trùng	'-Kích cỡ: 150mm*70m - Phù hợp để sử dụng phương pháp tiệt trùng Plasma. Chỉ thị hóa học chuyển từ tím sang đỏ. - Chỉ thị hoá học nền nước, không độc hại, chuyển màu rõ rệt và chính xác. - Có ≥3 đường hàn liên tiếp có tác dụng chống rách vượt trội. - Có khả năng duy trì tính vô trùng trong vòng 5 năm sau khi tiệt trùng. - Dễ dàng sử dụng với tất cả loại các máy hàn nhiệt	Cuộn	12

TAM
B

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
		- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 và CE		
50.	Túi ép tiệt trùng	-Kích cỡ: 250mm*70m - Phù hợp để sử dụng phương pháp tiệt trùng Plasma. Chỉ thị hóa học chuyển từ tím sang đỏ. - Chỉ thị hoá học nền nước, không độc hại, chuyển màu rõ rệt và chính xác. - Có ≥ 3 đường hàn liên tiếp có tác dụng chống rách vượt trội. - Có khả năng duy trì tính vô trùng trong vòng 5 năm sau khi tiệt trùng. - Dễ dàng sử dụng với tất cả loại các máy hàn nhiệt - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 và CE	Cuộn	26
51.	Túi ép tiệt trùng	-Kích cỡ: 350mm*70m - Phù hợp để sử dụng phương pháp tiệt trùng Plasma. Chỉ thị hóa học chuyển từ tím sang đỏ. - Chỉ thị hoá học nền nước, không độc hại, chuyển màu rõ rệt và chính xác. - Có ≥ 3 đường hàn liên tiếp có tác dụng chống rách vượt trội. - Có khả năng duy trì tính vô trùng trong vòng 5 năm sau khi tiệt trùng. - Dễ dàng sử dụng với tất cả loại các máy hàn nhiệt - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 và CE	Cuộn	34
52.	Cán dao mổ	Cán dao mổ số 4, Chất liệu: Thép không gỉ cùng công nghệ cao sử dụng trong y tế. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	40
53.	Huyết áp	Máy đo huyết áp cơ với vòng bít làm bằng chất liệu vải có độ bền cao. Hệ thống dây dẫn khí bằng cao su cao cấp chống oxy hoá. Đồng hồ áp lực hiển thị áp xuất chuẩn (không bị lệch điểm không). Quy cách 01 cái/ hộp	Cái	50
54.	Dây Garo	Kết hợp sợi poly, sợi cao su lưu hóa, và sợi cotton theo tỉ lệ 2:1:2, dùng để garo khi tiêm	Cái	600
55.	Giấy điện tim 3 cần	Giấy 3 cần. Kích thước 63mm x 30cm. Tiêu chuẩn ISO 13485, EC	Cuộn	3.500

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
56.	Túi cuộn tiệt trùng	<ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ: 150mm*200m - Chịu được 2 phương pháp tiệt trùng - Chỉ thị hoá học nền nước, không độc hại, chuyển màu rõ rệt và chính xác. - Có ≥ 3 đường hàn liên tiếp có tác dụng chống rách vượt trội. - Có khả năng duy trì tính vô trùng trong vòng 180 ngày sau khi tiệt trùng. - Dễ dàng sử dụng với tất cả loại các máy hàn nhiệt - Nhiều kích cỡ, dễ lựa chọn - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 và CE 	Cuộn	30
57.	Kẹp cong có mẫu	Kẹp cong có mẫu 16 cm. Làm bằng thép không gỉ, hấp sấy được.	Cái	4
58.	Túi ép dẹp tiệt trùng	<ul style="list-style-type: none"> - Kích cỡ: 100mm*200m - Chịu được 2 phương pháp tiệt trùng - Chỉ thị hoá học nền nước, không độc hại, chuyển màu rõ rệt và chính xác. - Có ≥ 3 đường hàn liên tiếp có tác dụng chống rách vượt trội. - Có khả năng duy trì tính vô trùng trong vòng 180 ngày sau khi tiệt trùng. - Dễ dàng sử dụng với tất cả loại các máy hàn nhiệt - Nhiều kích cỡ, dễ lựa chọn - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 và CE 	Cuộn	40
59.	Giấy in nhiệt máy hấp EO	Dùng cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp. Kích thước 8cm x 30m	Cuộn	12
60.	Mũ phẫu thuật vô trùng	Vải không dệt PP trọng lượng (14 g/m ²) - ISO 13485:2016;	Cái	6.000
61.	Băng chỉ thị nhiệt hấp ướt	Kích thước 2,4cm x 55m * Băng chỉ thị nhiệt dùng trong tiệt khuẩn hơi nước với mục đích cố định gói dụng cụ chắc chắn và phân biệt gói dụng cụ đã qua tiệt khuẩn hay chưa * Mục chỉ thị hóa học, được in theo kiểu sọc chéo, không chứa chì nghĩa là không tạo chất thải nguy hại ra môi trường * Lớp keo không chứa cao su, dính chắc phù hợp với nhiều loại vải bọc, giấy gói, bao plastic,... * Lớp nền là loại giấy crepe màu be có thể co giãn giúp giảm thiểu tình trạng băng dính bị “bung ra” trong quá trình tiệt trùng, có thể viết được lên trên hoặc dán nhãn bằng nhãn in sẵn * Các vạch chỉ thị hóa học sẽ hiển thị sự thay đổi màu sắc khi	Cuộn	160

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
		tiếp xúc với quy trình tiệt trùng bằng hơi nước		
62.	Tấm bông	Đựng trong ống nhựa 1 đầu cuốn bông 1 đầu gắn liền với nắp ống. tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	30
63.	Băng thun có keo cỡ S	Chất liệu: Cotton co giãn, màu trắng, keo oxide không dung môi, 8cm x4,5m, độ co giãn $\geq 90\%$	Cuộn	200
64.	Vật liệu cầm máu Collagen tự tan	Vật liệu cầm máu collagen tự tan, kích thước 5x8cm, tự tiêu hoàn toàn trong vòng 3 tuần. Cầm máu nhanh, thấm hút tốt, dễ bám dính vết thương. Tiêu chuẩn EC, ISO.	Miếng	288
65.	Bơm tiêm 10ml đầu luerlock	Bơm tiêm 10ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE. - Bơm tiêm có đầu luer lock dùng trong can thiệp mạch máu - Vật liệu làm bằng Polycarbonate hoặc tương đương chịu áp lực tốt dễ dàng nhận thấy dòng chảy và bọt khí bên trong - Có nhiều màu sắc khác nhau để phân biệt.	Cái	1.200
66.	Syringe cho bơm tiêm cân quang	Chất liệu Polycarbonate hoặc PP hoặc tương đương - 01 Xi lanh dung tích 190 ml - Mức chịu áp lực tối đa: $\geq 300\text{psi}$ - Không chứa cao su thiên nhiên - Tương thích với hệ thống máy Ct scanner và Siemens	Cái	100
67.	Bơm tiêm nha khoa	dung tích $\sim 1,8\text{ml}$; Bằng Inox	Cái	5
68.	Kim lấy máu chân không	Nguyên liệu thép không gỉ, đã tiệt trùng	cái	100.000
69.	Kim luồn dạng tròn số 16	Kim dạng có cánh (Không cửa), được làm bằng chất liệu FEP. Có khả năng lưu kim tới 96h. Có 3 vạch cân quang ở thân catheter. Có thể sử dụng trong phòng chụp MRI . Có tám xấp vi lọc cuối chuôi kim ngăn máu trào ngược. Được tiệt trùng. Các số 26G x 3/4" (O.D: 0.64 x 19 mm, 19 ml/phút; 24G x 3/4" (O.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min); Tiêu chuẩn CE; ISO 13485	cái	300



STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
70.	Kim chọc hút và sinh thiết tủy xương	Cấu hình gồm: 01 kim chọc; 01 kim sinh thiết; 01 que đẩy mẫu. Thông số kỹ thuật: Kim sinh thiết và chọc hút tủy xương, đường kính 8-13G, dài 65-150mm	Cái	100
71.	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm chất cản quang dài 30 cm, không chứa latex. Không có chất phụ gia DEHP. Đường kính trong: ≤ 3 mm, đường kính ngoài: ≤ 5 mm. Tiệt trùng, đóng gói 1 cái/gói.	Cái	16.000
72.	Túi chụp bóng đèn vô trùng	Chất liệu nylon PE hoặc tương đương - Kích cỡ 60cm x 100cm - Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế đã được tiệt trùng	Cái	600
73.	Túi ép dẹp dùng hấp tiệt khuẩn	Chất liệu gồm: 1 lớp màng film phẳng trong suốt (PET/PP hoặc tương đương) và 1 lớp giấy chống thấm dùng trong y tế - Kích thước: 20cmx200m	Cuộn	72
74.	Túi ép dẹp dùng hấp tiệt trùng	Chất liệu gồm: 1 lớp màng film phẳng trong suốt (PET/PP hoặc tương đương) và 1 lớp giấy chống thấm dùng trong y tế - Kích thước: 35cmx200m	Cuộn	6
75.	Túi đựng dịch thải	Tương thích máy lọc máu prismaflex của hãng Gambro. Được dùng để thu thập dịch thải trong khi thực hiện CRRT bằng hệ thống máy Prismaflex Được trang bị đầu nối female Luer ở bên trong túi và ống lớn ($\varnothing 8$ mm) để làm nơi dẫn lưu. Chất liệu: PVC, không có DEHP, không có Latex Thể tích: 5L	Cái	60
76.	Ống nghiệm EDTA K3	Ống nghiệm nhựa có chất chống đông EDTA K3, có nắp, Thể tích 2ml, kích thước: 13 x 75mm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	Cái	28.800
77.	Ống nghiệm nhựa không nắp	Ống nghiệm PS tinh khiết 100% dung tích 5ml kích thước 12x75mm. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các hóa chất bên trong. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Cái	33.000
78.	Ống nghiệm thủy tinh các cỡ	Chất liệu thủy tinh, kích thước: 12cm x 1.2cm, 18cm x1.8cm	Ống	2.000
79.	Ống nghiệm thủy tinh	Chất liệu thủy tinh. Kích thước: đường kính: 12mm chiều dài ống: 70mm thành ống dày: 0.6mm	Cái	13.000
80.	Ống khí quản 2 nòng có bóng	Ống khí quản hai nòng có bóng có cửa số 6	Cái	3

H
IÊN
OA
H

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
81.	Ca-nuyn 2 nòng mở khí quản có cửa sổ số 6.5	Ống mở khí quản 2 nòng riêng biệt, có cửa sổ. Số 6.5	Cái	3
82.	Co nối máy thở	Ống nối dây máy thở Chất liệu PVC y tế, Có thể co giãn từ 4 cm tới 13 cm	Cái	50
83.	Dây hút đàm kín	Đầu ống mềm, không gây tổn thương lên thành ống khí quản - Chiều dài catheter 54 cm, sử dụng ≥ 72 giờ. - Các cỡ 12Fr, 14Fr. có chia từng vạch 1cm, các cỡ	Cái	50
84.	Thông đường mật chữ T	* Chất liệu: cao su thiên nhiên * Các số: 18; 20; 22	Cái	300
85.	Dây nhựa	Chất liệu nhựa, trắng trong. Đường kính 8-10 mm. Dùng hút dịch trong phẫu thuật.	Mét	6.000
86.	Chi peclon	Chất liệu peclon. Dạng cuộn 120m	Cuộn	20
87.	Chi phẫu thuật không tiêu 7/0	Chi không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene, số 7/0, chỉ dài ≥ 60 cm, 2 kim tròn 3/8 vòng tròn dài 10mm, kim làm bằng thép đàn hồi, độ sắc cao	Sợi	576
88.	Chi phẫu thuật không tiêu 10/0	Số 10/0 2 kim hình thang 3/8C, kim 6.2mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 30cm. Là chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu tiết trùng được làm từ polyamide 6.0 hoặc 6.6; bề mặt sợi chỉ mượt mà giúp dễ dàng xuyên qua các mô. Sợi chỉ có đặc điểm dễ buộc và sức căng tốt.	Sợi	262
89.	Chi tan đơn sợi có gai số 3/0	Chi tan đơn sợi có gai Glycomer 631 số 3/0, 1 kim tròn 1/2C	Tép	144
90.	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đa tiêu cự (2 tiêu)	Thủy tinh thể nhân tạo hai tiêu mềm một mảnh phi cầu, chất liệu Acrylic ngậm nước 25% kết hợp bề mặt không ngậm nước, đường kính optic 6mm, chiều dài kính 11mm.	Cái	10
91.	Thủy tinh thể nhân tạo đa tiêu cự, ngậm nước	Thủy tinh thể nhân tạo ba tiêu cự. - Chất liệu hydrophobic acrylic - Thiết kế phi cầu hai mặt lồi. - Thiết kế càng 4 điểm tựa kiểu C kép. - TTT lọc ánh sáng xanh và tia cực tím. - Công suất bổ sung là +1.75D và +3.5D - Sử dụng hệ thống đặt kính kèm theo. - Dải công suất: từ 10D đến 35D bước nhảy 0,5D	Cái	5



Handwritten signature or mark at the bottom right corner of the page.

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
92.	Lưới điều trị thoát vị	Lưới điều trị thoát vị chất liệu: Polypropylene. Kích thước: 6cm x 11cm.	Cái	30
93.	Lưới đặt thoát vị bẹn tự dính	Lưới điều trị thoát vị bẹn tự dính chất liệu Polyester đơn sợi, có hệ thống gai siêu nhỏ tự dính vào mô chất liệu Polylactic Acid tự tiêu. kích thước 12x8cm.	Cái	60
94.	Đầu thắt tĩnh mạch thực quản	Đầu thắt được làm từ chất liệu: cao su + nhựa + chỉ, với thiết kế 1 đầu thắt gồm 6 vòng thắt, đường kính đầu thắt: 9.4mm-15mm	Cái	170
95.	Bộ dây dẫn lọc tách huyết tương	Bộ dây tách huyết tương cho máy lọc máu DIAPACT CRRT, một bộ gồm: Dây động mạch, dây tĩnh mạch; Bộ chuyển đổi điện áp quả lọc tách huyết tương, Dây dẫn dịch thay thế, Dây dẫn đầu ra huyết tương;	Bộ	30
96.	Quả lọc tách huyết tương	Màng lọc tách huyết tương cho máy lọc máu DIAPACT CRRT, Màn lọc tách huyết tương diện tích 0.5 m ² , chất liệu polyethersulfone, đường kính trong sợi màng 300 micromet, dày sợi màng 100 micromet, kích thước lỗ màng tối đa 0.5 micromet, tiệt trùng ETO, thể tích ngăn máu 48 ml, thể tích ngăn plasma 154 ml, tốc độ máu 60 - 180 ml/phút, tốc độ plasma = 30% tốc độ máu, áp lực xuyên màng tối đa 100mmHg	Quả	30
97.	Bộ quả lọc trao đổi huyết tương	Bộ quả lọc tách huyết tương kèm dây lọc máu dùng cho lọc máu liên tục tương thích máy PRISMAFLEX. Quả lọc trao đổi huyết tương được kết nối sẵn với bộ dây dẫn: Thể tích máu của cả bộ quả lọc ±10%: 127 ml Diện tích màng: 0,35 m ² Chất liệu màng lọc dạng sợi rỗng: Polypropylene Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 330 μm Độ dày thành sợi lọc: 150 μm Thể tích máu trong quả lọc huyết tương: 41 ml ±10% Tốc độ máu tối thiểu: 100ml/min Tốc độ máu tối đa: 400ml/min	Bộ	20

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
98.	Bộ quả lọc máu liên tục	Tương thích với máy lọc máu PRISMAFLEX. Chất liệu • Màn lọc: dạng sợi rỗng (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer) • Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate • Vách đầu quả lọc: Polyurethane • Ống dẫn: plasticized polyvinyl chloride (PVC) • Cartridge: Polyethylene terephthalate glycol • Phương pháp tiệt trùng: EtO (ethylene oxide) Thông số kỹ thuật của quả lọc • Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 Thể tích máu trong quả lọc ($\pm 10\%$): 152 ml Diện tích màng: 0,9m ² Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240 μ m Độ dày thành sợi lọc: 50 μ m	Bộ	60
99.	Dây silicon mổ tiếp khẩu lệ mũi	Đảm bảo vô khuẩn - Chất liệu: Silicone - Que dẫn: Thép không gỉ - Đường kính dây khoảng 0,64 mm	Cái	15
100.	Bộ ghim khâu cố định lưới thoát vị dùng trong phẫu thuật nội soi thoát vị bẹn, thành bụng	Bộ ghim khâu cố định lưới thoát vị có 30 ghim hình xoắn ốc, chất liệu Titanium.	Cái	5
101.	Điện cực cắt vòng đơn cực	Điện cực cắt đốt đơn cực hình vòng, gập góc, dùng với vỏ đặt cỡ 24/26Fr	Cái	200
102.	Đầu côn có lọc 10ul	Đầu côn có lọc 10 μ l-96 cái/ hộp	Hộp	10
103.	Kéo thẳng	Dài 10cm; Chất liệu thép không gỉ	Cái	100
104.	Kẹp có máu thẳng	Kẹp có máu thẳng 18cm. Được làm bằng thép không gỉ.	cái	120
105.	Kẹp cong	Vật liệu bằng thép không gỉ, hấp tiệt trùng ở nhiệt độ cao. Kích cỡ 12cm	Cái	25
106.	Kẹp cong	Vật liệu bằng thép không gỉ, hấp tiệt trùng ở nhiệt độ cao. Kích cỡ 16cm	Cái	10
107.	Kẹp cong	Vật liệu bằng thép không gỉ, hấp tiệt trùng ở nhiệt độ cao. Kích cỡ 18cm	Cái	20
108.	Kẹp khuỷu	Dài khoảng 12cm làm bằng thép không gỉ có thể hấp sấy được	Cái	20
109.	Kẹp phẫu tích	Kẹp phẫu tích có máu/không máu 25 cm. Chất liệu: Thép không gỉ hoặc tương đương.	Cái	55

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
110.	Kẹp răng chuột	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương. Dài 18- 20cm.	Cái	50
111.	Kẹp thẳng	Kẹp thẳng 14cm. Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương	Cái	55
112.	Kẹp xăng mỏ	Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương. Dài khoảng 14cm.	Cái	100
113.	Kìm mang kim	Chất liệu: Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, dài 20 cm.	Cái	50
114.	Kìm mang kim (đầu to)	Chất liệu: Chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương, dài 20 cm (đầu to)	Cái	20
115.	Kìm mở miệng răng hàm mặt	Dụng cụ được làm bằng vật liệu thép không gỉ. Sản xuất theo tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO. Chiều dài 16-17 cm	Cái	2
116.	Mũi cắt xương răng hàm mặt	Chất liệu: Thép không gỉ. Kích thước: 25mm hoặc 28 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	50
117.	Mũi khoan mini ngắn, dài	đường kính 1.6mm, chiều dài làm việc 22mm, tương thích tay khoan Marathon	Cái	30
118.	Trocar lồng ngực dùng một lần các cỡ	Cổng đưa dụng cụ phẫu thuật nội soi, thiết kế cho phẫu thuật lồng ngực, đường kính 5.5-15mm thân dài ≥ 60 mm, gờ trên thân trocar mềm dẻo.	Cái	200
119.	Bảy răng các loại	Các cỡ, Chất liệu thép không gỉ; Đạt tiêu chuẩn ISO	Chiếc	20
120.	Bình cầu đáy bằng 500ml	Bình cầu đáy bằng 500ml. Chất liệu thủy tinh, chịu được nhiệt, chất liệu đồng nhất. Dùng để pha môi trường nuôi cấy vi khuẩn	cái	10
121.	Bình nhựa dẫn lưu màng phổi	Bao gồm một ống hút gió, một ống hàng và một ống cột kết nối với một ống tiêm. Một bộ động cơ được bố trí để vận hành ống tiêm trong khi cảm biến mức chất lỏng trong ống cột, trong đó ống tiêm có thể được trao đổi để cung cấp khối lượng gia tăng của các dịch cho bệnh nhân. • Kích thước: 1600ml.	Bộ	10

TIN
NH
A KI
TIN

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
122.	Bình khí EO	Bình kín chứa Ethylene oxide 100% sử dụng đơn liều, không chứa chất CFC/HCFC. Được thiết kế tương thích với máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp EO dòng GS	Bình	720
123.	Bộ dẫn lưu vết mô silicon kèm troca	Chất liệu 100% Silicon, được tiệt trùng 2 lớp; một cổng xả dịch và hai cổng dẫn lưu với dung tích 150ml/cc có vạch chia thể tích trên thân bình, dây dẫn 10fr	bộ	350
124.	Bộ dẫn lưu vết mô silicon kèm troca	Chất liệu 100% Silicon, được tiệt trùng 2 lớp; một cổng xả dịch và hai cổng dẫn lưu với dung tích 200ml/cc; có vạch chia thể tích trên thân bình, dây dẫn 14fr, 20fr	bộ	150
125.	Bộ sẵn áo dùng can thiệp	"1x Khăn trải bàn dụng cụ cấu tạo từ hai lớp: Lớp plastic màu và lớp vải không dệt 5 lớp. Cả hai lớp đều không thấm nước đảm bảo nguyên tắc phòng mổ. 1x Khăn phủ đầu, 2 x Khăn phủ bên, 1x Khăn phủ chân: Chất liệu từ vải không dệt cao cấp 5 lớp, không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện, được gia cố vùng thấm hút đặc biệt, có băng keo y tế, không gây kích ứng da, có tâm cố định ống dây. Phần đầu của khăn phủ đầu là màng plastic trong. Và các phụ kiện khác."	Bộ	20
126.	Kít thu nhận tiểu cầu túi đơn	Kít thu nhận tiểu cầu túi đơn/huyết tương tương thích với máy Trima, kèm theo 01 túi chống đông ACDA 750ml/túi. Thu đồng thời: + Tiểu cầu túi đơn (thu 1 đơn vị tiểu cầu/1 lần thu) + Huyết tương	Bộ	100
127.	Bộ kit tách tiểu cầu kim đơn với 02 túi để chứa tiểu cầu	Bộ chiết tách tiểu cầu là hệ thống khép kín, vô khuẩn. Bù dịch liên tục, tự động nhằm bù thể tích máu lấy ra để làm giảm nguy cơ tai biến cho người hiến. Chiết tách tiểu cầu liên tục. Lượng máu lấy ra cho mỗi lần chiết tách từ 200-250ml, xử lý liên tục.	bộ	100
128.	Bộ kit đo huyết áp xâm nhập (hệ thống đo áp lực động mạch, tĩnh mạch 1 đường người lớn, trẻ em)	Tương thích với máy Mornitor BSM-3562-NIHON KOHDEN. Bộ dẫn truyền cảm ứng theo dõi huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường bằng PVC, đầu truyền dịch hình chữ J. - áp lực đo từ -30 đến 300mmHg, độ nhạy 5 μ v/v/mmHg.	Bộ	100



STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
129.	Bộ lọc bạch cầu dùng cho truyền tiểu cầu	- Chức năng: Bộ lọc được chỉ định cho loại bỏ bạch cầu, vi cục và giảm từ anaphylatoxin C3a* từ 4 đến 10 đơn vị tiểu cầu . - Dễ dàng sử dụng, không cần tráng bằng nước muối sinh lý. '- Có van thông khí lọc khuẩn để đuổi khí nhanh khi bắt đầu truyền và đảm bảo dồn hết máu khi kết thúc truyền máu - Tiệt khuẩn	Bộ	500
130.	Bộ lọc bạch cầu cho khối hồng cầu tại giường	Bộ lọc bạch cầu cho khối tiểu cầu tại giường, sử dụng bộ lọc mềm	bộ	500
131.	Bộ lèn ống tủy dọc	Bộ cây lèn dọc đủ số. Chiều dài 21mm hoặc 25mm. Cán kim loại, đàn hồi và chịu lực.	Bộ	2
132.	Bộ lèn ống tủy ngang	Bộ cây lèn ngang đủ số. Chiều dài 21mm hoặc 25mm. Cán kim loại, đàn hồi và chịu lực.	Bộ	4
133.	Bột xương nhân tạo	Dạng viên, thành phần chủ yếu là xương bò, đường kính 1.0-2.0mm; 0,25g (0,75cc). 100% xương khoáng hóa tự nhiên. Nhanh chóng thấm hút máu và dịch nhờ đặc tính xốp của xương.	Hộp	20
134.	Bột xương nhân tạo	Dạng viên, thành phần chủ yếu là xương bò, đường kính 1.0-2.0mm; 0,5g (1,5cc). 100% xương khoáng hóa tự nhiên. Nhanh chóng thấm hút máu và dịch nhờ đặc tính xốp của xương.	Hộp	20
135.	Buồng tiêm truyền hóa chất cấy dưới da	Vỏ ngoài được làm từ chất liệu Polysulfone và buồng chứa bên trong bằng Titanium, có thể chịu được áp lực cao 325 psi Có 3 lỗ khâu cố định buồng truyền vững chắc Kích thước buồng nhỏ: 30x22mm, cao 10.6mm, đường kính màng 9.5mm. Nặng 4g. Thể tích 0.25ml. Đường kính ngoài ống thông: 6.5F-8.5F. Chiều dài 800mm. Tốc độ dòng chảy: 24ml/ phút với kim 19G. (Đường kính 6.5F); 37ml/ phút với kim 19G. (Đường kính 8.5F) Chất liệu ống thông bằng Silicone hoặc Polyurethane. Ống thông có các marker cách nhau 1cm	Bộ	50

THAI
B.

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
		Phụ kiện đi kèm: 1 kim chọc buồng truyền đầu thẳng 22Gx30mm, 1 kim chọc mạch máu 18Gx70mm, 1 dây dẫn chữ J 0.035"x50cm, 1 dụng cụ mở đường L180/140mm, 1 ống thông tạo đường hầm, 1 xy lanh 10ml, 1 kim chọc buồng tiêm an toàn 20Gx20mm.		
136.	Lèn nha khoa	Lèn ngang có tác dụng tạo áp lực và khoảng trống để lèn chặt cone vào trong ống tủy. Cán sản phẩm phân màu theo tiêu chuẩn ISO 13485. Có khả năng chống ăn mòn và độ bền cao	Vi	12
137.	Chổi cước	Chất liệu cước mềm mại. Chiều dài ≥20 cm. Túi 1 cái. Dùng để vệ sinh ống nghiệm	cái	15
138.	Chổi cước to	Chất liệu cước mềm mại. Chiều dài ≥35 cm Túi 1 cái. Dùng để vệ sinh ống nghiệm	Cái	10
139.	Cốc nhựa cứng	Loại dùng 01 lần, chất liệu bằng nhựa trong, dung tích 140ml - 220ml	cái	150
140.	Côn trám bít ống tủy nha khoa	Tính cân quang cao. Gồm nhiều kích cỡ và độ trơn khác nhau và có vạch đánh dấu chiều dài	cái	1.200
141.	Bộ dây máy thở 2 nhánh dùng 1 lần	Bộ dây máy thở có bể nước dùng cho người lớn chất liệu nhựa Y tế PE, tiệt trùng, dùng 1 lần, gồm 02 dây dài 1,6m, đường kính 22mm - Cút chữ Y có cổng, 01 đoạn dây nối bộ làm ấm, đầu cút 22mmF-22mmF. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016	Bộ	600
142.	Đèn cồn	Thể tích: 150ml Chất liệu: thân thủy tinh, dây tim và nắp chụp nhựa chịu nhiệt	Cái	50
143.	Đồng hồ oxy trung tâm	Bộ bao gồm: ĐH oxy; bình tạo ẩm; dây dẫn	bộ	100
144.	Filter lọc khuẩn của máy đo chức năng hô hấp	Được làm từ Polymer y tế, với đầu nối tiêu chuẩn. Vật liệu lọc khuẩn là sợi polypropylene tĩnh điện chất lượng cao. Kích thước trong đầu cắm vào máy: 45.5 mm. - Kích thước ngoài đầu cắm vào máy có các cỡ: 48mm. - Kích thước ngoài đầu cắm vào bệnh nhân 29.5 mm. Tương thích máy đo chức năng hô hấp KOKO	Cái	360
145.	Giấy đánh chất hàn	Giấy dùng trộn chất hàn trong nha khoa	tập	20

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
146.	Giấy in dùng cho máy tiệt khuẩn nhiệt độ thấp	- Giấy in 2 lớp dùng in kết quả tiệt trùng máy Sterrad 100S - Chiều rộng cuộn giấy 76mm, chiều dài tương đương 30m ($\pm 10\%$). - Đạt tiêu chuẩn EC	Cuộn	12
147.	Giấy in kết quả sinh hóa máu	Giấy in nhiệt. Đường kính 8 cm	Cuộn	50
148.	Chân răng nhân tạo	Vật liệu Titanium, giữ được ổn định cao dù tồn tại trong môi trường axit. Kết nối hình côn 11 độ hoặc 22 độ, phần dưới lục giác Đường kính trụ dao động từ 3.0- 7 mm, chiều dài từ 7 - 15 mm, có nhiều kích thước phù hợp với từng vị trí răng khác nhau	Cái	30
149.	Khuôn đúc bệnh phẩm các cỡ	Dùng để xử lý các mẫu mô học nhỏ, làm bằng nhựa acetalic, nắp có thể tháo rời, Chịu được thuốc thử mô học như rượu, dung môi và chất khử cặn, chịu được nhiệt độ cao, Kích thước bên ngoài: 40x26x7 mm	Cái	20
150.	Kim chọc buồng tiêm truyền loại không tạo lỗ	Kim gập góc có đế cố định không màu nối với dây truyền dịch có kẹp dây, không chứa thành phần latex, PVC và DEHP. Thiết kế đặc biệt không tạo lỗ (non- coring). Chiều dài dây dẫn từ kim đến đầu nối: 250mm Đường kính: 20G, 22G; chiều dài: 15-25mm	Cái	250
151.	Lọ nút mài 1 L	Chất liệu thủy tinh, dung tích 1.000ml. Màu trắng hoặc Màu nâu. Dùng để đựng hóa chất	cái	15
152.	Lọ nút mài 500ml	Chất liệu thủy tinh, dung tích 500ml. Dùng để đựng hóa chất	cái	20
153.	Màng bao phủ cấy ghép tái tạo xương hư tổn	Màng collagen có thể hấp thụ được có nguồn gốc từ màng tim lợn tinh khiết Được thiết kế để cung cấp chức năng rào cản vượt trội, đồng thời duy trì các đặc tính xử lý lý tưởng Có độ bền kéo tuyệt vời và không dễ bị rách khi ngâm nước Đảm bảo rằng bác sĩ lâm sàng có thể dễ dàng kéo căng màng mà không bị rách Kích thước: 30 x 40 mm Thời gian tiêu: từ 4 - 6 tháng Đóng gói tiệt trùng	Miếng	10

ĐẠI



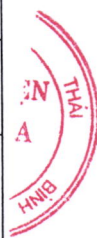
STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
154.	Màng xương nhân tạo	Màng collagen có thể hấp thụ được có nguồn gốc từ màng tim lợn tinh khiết Được thiết kế để cung cấp chức năng rào cản vượt trội, đồng thời duy trì các đặc tính xử lý lý tưởng Có độ bền kéo tuyệt vời và không dễ bị rách khi ngâm nước Đảm bảo rằng bác sĩ lâm sàng có thể dễ dàng kéo căng màng mà không bị rách Kích thước: 15 x 20mm Thời gian tiêu: từ 4 - 6 tháng Đóng gói tiệt trùng	Miếng	20
155.	Nong máy	Được làm bằng thép không gỉ hoặc NiTi. Cạnh cắt sắc và bề mặt được xử lý bằng công nghệ tráng gương phẳng mịn, các số. Vi gồm 6 cây	vi	25
156.	Ốc tay khoan	Tương thích với tay Khoanh HD	Cái	5
157.	Ốc tay khoan	Tương thích với tay khoan WH bấm 4 lỗ	Cái	5
158.	Cây đặt nội khí quản khó các cỡ	Cây dẫn đường ống nội khí quản có nòng bên trong để bảo hòa oxy trong suốt quá trình đặt và thay đổi ống Co nổi 15mm, có hoặc không có khóa luer-lock Đầu tít thẳng hoặc cong Không latex, không Phthalate Vô trùng, sử dụng 1 lần Size cỡ: OD=2.6mm (ID=1.2, dài 600mm), OD= 3.3mm (ID=1.7mm, dài 830mm), OD=5.0mm (ID=2.6mm, dài 830mm), OD=6.0mm(ID=3.0mm, dài 830mm)	Cái	1
159.	Ống giữ kim lấy máu	Nhựa y tế trong suốt. Khóa ren, dùng trong lấy máu chân không. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	cái	50.000
160.	Ống thông khí cho hòm nhĩ	Chất liệu Fluoroplastic hoặc tương đương - Đường kính trong 1.14mm	Cái	50
161.	Ống thông phế quản	Ống nội phế quản 2 nòng trái phải bao gồm: ống nội phế quản trái/ phải, co nổi Y, có hoặc không có kẹp, 4 dây hút đàm có van kiểm soát) * Kích cỡ từ 24FG đến 41FG * Tiêu chuẩn ISO, CE	Cái	10
162.	Ống thủy tinh borosilicate	Ống thủy tinh borosilicate 12 x 75mm, dùng để pha loãng CSE	Gói	2

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
163.	Ống thủy tinh soda lime	Ống thủy tinh soda lime 10 x 75mm, dùng để thử chứng dương với CSE	Gói	2
164.	Phễu thủy tinh	Chất liệu thủy tinh, độ dày đồng nhất, chịu được tính ăn mòn cao, dung tích 1000 ml. Dùng để lọc hóa chất	Cái	2
165.	Que đánh chất hàn nhựa	Chất liệu nhựa cứng.	Cái	20
166.	Tay khoan	Tương đương tay khoan Marathon dùng trong nha khoa	Chiếc	10
167.	Tay khoan nhanh	Tương đương tay khoan nhanh của hãng WH, 2lỗ, 4 lỗ dùng trong nha khoa	Cái	4
168.	Tay khoan nha khoa siêu tốc	Chuôi kết nối 2 lỗ/ 4 lỗ - Tốc độ ≥ 330.000 vòng quay/ phút - Hệ thống chuck bám thay mũi khoan dễ dàng mà chỉ cần tác động một lực nhỏ - Tiết trùng được thích nghi đến 135 độ C và thích hợp khử trùng nhiệt - Bộ lọc nước ngay đầu vào tay khoan cho chức năng phun sương tối ưu. - Hệ thống đầu tay khoan vệ sinh, chống hút ngược	Cái	10
169.	Thám Trâm	Thám trâm được dùng để định vị các lỗ ống tủy, có hai đầu dài, một đầu cong, một đầu nghiêng, nhọn và sắc bén	Cái	20
170.	Bát inox	chất liệu làm từ inox, đường kính 10cm	Cái	50
171.	Bát inox	chất liệu làm từ inox, đường kính 20cm	Cái	30
172.	Chậu thủy tinh	Chất liệu thủy tinh, đường kính 20cm	Cái	2
173.	Răng giả sứ Cercon	Là loại răng sứ không kim loại được cấu tạo từ 2 lớp: Lớp bên trong là khung sườn chịu lực từ vật liệu phi Cercon có độ cứng cao từ 1000 đến 1500 mpa, khung sườn được chế tác với công nghệ CAD/CAM có độ chính xác cao. Phần bên ngoài sườn được phủ 1 lớp sứ mỏng đạt tiêu chuẩn an toàn, nung ở nhiệt độ từ 900 đến 1000 độ	Đơn vị	100
174.	Răng giả kim loại sứ	Là loại răng giả có cấu tạo gồm 2 phần: Phần khung sườn bên trong được làm từ hợp kim Ni – Cr, độ dày của khung sườn dao động từ 0,1 mm đến 0,3 mm hoặc theo yêu cầu của Bác sĩ. Phần bên ngoài sườn được phủ 1 lớp sứ	Đơn vị	50

NH
VII
10
H

✓

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
		mỏng, nung ở nhiệt độ từ 900 đến 1000 độ C.		
175.	Răng giả sứ ceramil	Là loại răng giả có cấu tạo gồm 2 phần: Phần khung sườn bên trong được làm từ ceramil, độ dày của khung sườn dao động từ 0,1 mm đến 0,3 mm. Phần bên ngoài sườn được phủ 1 lớp sứ mỏng	cái	100
176.	Sứ Titan trên Implant	Là loại răng giả có cấu tạo gồm 2 phần: Phần khung sườn bên trong được làm từ hợp kim titanium, độ dày của khung sườn dao động từ 0,1 mm đến 0,3 mm. Phần bên ngoài sườn được phủ 1 lớp sứ mỏng	Cái	100
177.	Cốc đánh bóng	Paste làm sạch bề mặt răng	Cái	60
178.	Dây cao su	Dây bằng chất liệu cao su y tế, độ dày 8mm, dùng để hút dịch trong phẫu thuật	Kg	1.500
179.	Dây garo	Chất liệu cao su tự nhiên. Kích thước: Bề rộng ≥ 6 cm; Chiều dài ≥ 100 cm. Dùng để garo trong chấn thương	Cái	10
180.	Dây cao su	Chất liệu cao su y tế. Đường kính 4 - 6 mm, chiều dài ≥ 100 cm. Dùng để garo trong lấy máu nhân tạo	Cái	150
181.	Giá đỡ ống nghiệm inox	Giá đựng ống nghiệm bằng inox có 20 lỗ	Cái	3
182.	Hàm tháo lắp nhựa dẻo	Hàm nhựa dẻo các số	Cái	10
183.	Hộp lồng thủy tinh	Chất liệu thủy tinh trong suốt đường kính 10cm $\pm 5\%$. SP đạt chứng chỉ ISO 13485. Dùng để cấy vi sinh	cái	600
184.	Hộp lồng thủy tinh	Chất liệu thủy tinh trong suốt đường kính 7,5cm $\pm 5\%$. SP đạt chứng chỉ ISO 13485. Dùng để cấy vi sinh	Cái	1.000
185.	Hộp típ 200ul, đã tiệt trùng.	Hộp típ 200ul, đã tiệt trùng.	Hộp	2
186.	Khay Inox	Khay Inox 425*325*25mm	Cái	10
187.	Lọ công tơ hút	Chất liệu thủy tinh	Cái	15
188.	Mặt gương nha khoa	Mặt gương dùng trong nha khoa, đường kính 21mm	Cái	60



✓

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
189.	Ống đong	Chất liệu thủy tinh	Cái	2
190.	Ống xét nghiệm vi sinh	Chất liệu thủy tinh, sử dụng trong xét nghiệm vi sinh	Kg	1
191.	Ống tuýp pha huyền dịch vi khuẩn	Ống nghiệm bằng nhựa trong (polystyrene) 12 mm x 75 mm dùng một lần	Ống	3.000
192.	Phin lọc dùng cho máy lọc nước	Chất liệu 100% Polypropylene (PP); Kích thước dài \geq 20 inch; loại 0,2 Micro	Cái	10
193.	Phin lọc dùng cho máy lọc nước	Chất liệu 100% Polypropylene (PP); Kích thước dài \geq 20 inch; loại 1 Micro	Cái	20
194.	Phin lọc dùng cho máy lọc nước	Chất liệu 100% Polypropylene (PP); Kích thước dài \geq 20 inch; loại 5 Micro	Cái	120
195.	Phin lọc nước	Phin lọc nước 50cm 5ul. Chất liệu nhựa Polypropylene	Quả	100
196.	Phin lọc nước	Phin lọc nước 50cm loại 1 Microns. Chất liệu nhựa Polypropylene	Quả	230
197.	Que cấy nhựa vô trùng	Các vòng polystyrene có độ đàn hồi cao mịn và mềm dẻo tạo điều kiện cho các vết đồng nhất và mịn mà không làm hỏng bề mặt gel	Que	1.500
198.	Strip ống phản ứng 0.1mL	Strip ống phản ứng 0.1mL. Dây strip 8 ống	Cái	10.000
199.	Dao cắt bệnh phẩm dùng cho cắt lạnh	Tương thích máy cắt lạnh Leica CM 1860 UV -Lưỡi cắt mạnh mẽ với một lưỡi cắt cứng hơn -Đặc biệt thích hợp cho mô rất cứng -Kết quả rất tốt với microtomes trượt và quay cho vật liệu khó -Lý tưởng để sử dụng với cắt lạnh • Hộp 50 lưỡi	Hộp	2
200.	Vi ống thông can thiệp mạch máu	Công nghệ POLYFUSION, phủ ái nước HYDRO PASS. Đường kính gần cán 3F, xa cán 2.4F; đường kính trong 0.021" PTFE, áp lực đỉnh 1000 psi, độ dài 105, 130, 150cm. Chất liệu: bện kim loại và xơ tăng độ nhìn, chống gập, tương thích hạt hình cầu 700 micron hoặc hạt không hình cầu 500 micron. Dây dẫn ái nước Transend, ICE, lõi Scitanium, đầu tunsteng	Cái	50

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
201.	Vật liệu nút mạch 2ml	Vật liệu: hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer Polyzene® - F, tương thích sinh học, không tan trong dung môi. Kích thước hạt: 40 μm – 1.300 μm . Đóng gói: dạng lỏng chứa trong syringe 1ml hoặc 2ml. Loại không màu hoặc có màu (để dễ dàng phân biệt các kích cỡ hạt)	Miếng, thổi, lọ	50
202.	Vật liệu nút mạch điều trị ung thư gan, 2ml	Vật liệu: hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer Polyzene® - F, tương thích sinh học, không tan trong dung môi. Khả năng mang thuốc doxorubicin-HCl và irinotecan-HCl lên đến 50mg/1 ml hạt Tandem (hấp thụ đến 100mg thuốc với 2ml hạt, hấp thụ đến 150mg thuốc với 3ml hạt). Thời gian hấp thụ nhanh: thuốc doxorubicin - 60 phút; thuốc irinotecan - 30 phút. Kích thước hạt: 40 \pm 10 μm ; 75 \pm 15 μm ; 100 \pm 25 μm . Đóng gói: dạng lỏng, chứa trong syringe 2ml hoặc 3ml.	Miếng, thổi, lọ	50
203.	Vòng xoắn kim loại các loại, các cỡ	Vòng xoắn kim loại (Coil) gây tắc mạch: dạng coil dây. Chất liệu: Hợp kim Platinum nên có độ cản quang cao, cho hình ảnh rõ nét. Vòng ngoài cuộn dây được thiết kế để dễ dàng xuyên qua microcatheter và giảm khả năng gây tổn thương thành mạch. Có sợi Dacron. Đường kính 2-11 mm. Chiều dài trong introducer: Từ 2 đến 85mm. Chiều dài khi thả: từ 2.0 đến 17mm. Hình dạng: Kim cương, hình nón, vòng xoắn lặp lại, thẳng, vòng xoắn, xoắn ốc phức tạp.	Cái	15
204.	Vi ống thông can thiệp toce	- Sợi bện Tungsten (Wolfram) - Đường kính lòng mạch 0,027". - Chiều dài vi ống thông 112cm, 132cm, \pm 5cm - Chiều dài dây dẫn 140cm, 160cm, phủ lớp ái nước 65cm, đường kính đoạn xa 2,6F, đường kính đoạn gần 2,8F, - Trọn bộ (có vi dây dẫn đi cùng đồng bộ)	Cái	45
205.	Vi ống thông can thiệp toce siêu nhỏ	Khả năng thâm nhập tốt và làm giãn các mạch nhỏ, gấp khúc. - Đầu linh hoạt, mềm và nhỏ - Đầu mềm giảm khả năng đâm thủng thành mạch. - Phủ lớp ái nước hydrophilic, đường kính đầu tip 1,9F; đường kính đoạn xa 1,98 F, đường kính đoạn gần 2,8F; chiều dài lần lượt các loại 112cm, 132cm, 157cm	Cái	40



✓

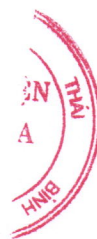
STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
206.	Vi dây dẫn can thiệp mạch bụng, có lõi đầu xa dẹt	Vi dây dẫn can thiệp mạch vùng bụng có lõi bằng kim loại không gỉ được bao phủ bằng Polyurethane và lớp Polymer ái nước. - Đường kính 0.016", chiều dài cân quang 3cm được làm bằng cuộn xoắn Platimum - Chiều dài phần đầu xa dạng thuôn dài ≥ 40 cm. - Các hình dạng đầu: Straight và Angle. Các chiều dài: 135cm, 165cm, 180cm. - Phần đầu xa của vi dây dẫn nhờ xử lý lõi dẹt giúp tạo hình dễ dàng các dạng đầu tip như: Straight, Angle, Double Angle, Sigmoid - Phụ kiện bao gồm dụng cụ định hình, chèn mạch, và dụng cụ vụn lái. Tiệt trùng ETO.	Cái	50
207.	Vi ống thông can thiệp mạch ngoại biên	Vi ống thông sử dụng trong can thiệp nội mạch, chủ yếu điều trị ung thư gan, tiền liệt tuyến. Đường kính ngoài cùng của phần chắn xạ/phần ngoại biên/phần gần nhất tương ứng 1,9Fr./2.2Fr./2.8Fr.; thiết kế đầu tip thuôn 1.8Fr để dàng đi qua các ngã rẽ thành mạch; kích thước chiều dài đa dạng (110cm, 130cm, 150cm); kiểu dáng đầu tip phong phú (thẳng, góc đơn, góc đôi); tương thích với vi dây dẫn đường kính tối đa 0.018 inch; áp lực tối đa 1,000psi Cấu hình 1 bộ bao gồm: Vi ống thông, 2 xi-lanh (1ml và 2,5ml), cổng nối Y, đầu nong tạo hình	Cái	50
208.	Vi dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên	Cấu hình: - Lõi thép không gỉ, -Lớp phủ Hydrophilic ≥ 155 cm. - Đường kính 0,014 inch - Đầu chắn bức xạ ≥ 5 cm. - Đầu tip dạng: Thẳng	Cái	90
209.	Dây dẫn can thiệp mạch máu siêu cứng phủ Teflon	Phủ Teflon, các cỡ 0.035" và 0.038". Cấu trúc phẳng phía ngoài dây, đầu tip tránh gây tổn thương. Chiều dài 75cm đến 260cm.	Cái	25
210.	Dụng cụ mở đường vào động mạch đùi các cỡ	Đầu tip thiết kế thuôn nhọn giúp giảm thiểu tổn thương mạch máu. Lòng trong ống rộng giúp chuyển tiếp mượt mà giữa que nong và sheath Kích thước: 5, 6, 7, 8F Chiều dài sheath: 8cm, 11cm Kích cỡ kim: 18G	Bộ	100

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
211.	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus áp thành trực tiếp (không polymer) các cỡ	Phủ thuốc Sirolimus bằng công nghệ phủ áp thành Abluminal (không có polymer) ; Hàm lượng Sirolimus $\geq 1.2\mu\text{g}/\text{mm}^2$ - Không có lớp polymer - Nền stent là hợp kim Cobalt Chrome. - Đầu tận đường kính nhỏ $\leq 0.41\text{mm}$ - Dài: 9 - 38mm; Đường kính: 2.0 - 4.0mm Có chứng nhận CE và tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	60
212.	Bộ máy tạo nhịp tim 1 buồng có đáp ứng tần số	- Bộ máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số - Kết nối không dây bằng sóng RF - Có cảm biến giúp hồi phục nhịp tim sinh lý - Tương thích MRI 1.5T và 3T toàn thân, không giới hạn thời gian.	Bộ	5
213.	Bộ máy tạo nhịp tim 2 buồng có đáp ứng tần số	-Bộ máy tạo nhịp 2 buồng có đáp ứng tần số - Kết nối không dây bằng sóng RF - Có cảm biến giúp hồi phục nhịp tim sinh lý - Tương thích MRI 1.5T và 3T toàn thân, không giới hạn thời gian. - Có chức năng giảm tạo nhịp thất	Bộ	20
214.	Bộ máy tạo nhịp phá rung tim (ICD) loại 1 buồng loại nhỏ hỗ trợ theo dõi và báo cáo suy tim	Cấu hình chi tiết bao gồm:* Máy chính: 01 cái* Dây điện cực sốc: 01 cái* Kim chọc mạch: 01 cái Kích thước nhỏ: Thể tích 29.5cc; Độ dày 0.99cm. - Dung lượng 1.9Ah. - Tương thích MRI 1.5T - Tính năng AcuShock đưa ra nhiều lựa chọn lập trình giúp giảm số lần shock không thích hợp và không cần thiết	Bộ	1
215.	Catheter chụp động mạch vành 2 bên	Giữa là lớp đan kép thiết kế đặc biệt được bện khác nhau từng đoạn, đoạn đầu xa không bện, tiếp theo là đoạn được bện dày và bện thưa hơn ở đoạn gần. -Vật liệu thành ống: Polyamide. - Áp lực tối đa 1,200 spi - Chiều dài: $\geq 100\text{ cm}$ Tiêu chuẩn: ISO, EC	Cái	400
216.	Dụng cụ mở đường vào động mạch đùi	Đầu tip thiết kế thuôn nhọn giúp giảm thiểu tổn thương mạch máu. Lòng trong ống rộng giúp chuyển tiếp mượt mà giữa que nong và sheath Kích thước: 5, 6, 7, 8F Chiều dài sheath: 8cm, 11cm Kích cỡ kim: 18G	Bộ	100

INH
 VII
 HO
 NH
 *

✓

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
217.	Catheter (ống thông) chẩn đoán đầu mềm, 3 lớp	Catheter chụp chẩn đoán động mạch vành trái, phải, chụp đa chức năng Kích thước: đường kính 4Fr - 5F có dạng JR, JL, Multipurpose... Chiều dài 80cm, 100cm. Tương thích guidewire $\leq 0.038''$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC	Cái	100
218.	Ống thông can thiệp mạch vành với thân ống thông bao các loại, các cỡ	Thân catheter làm bằng các chất liệu chất liệu: polyamid, nhựa HDPE, PEBA kết hợp cùng thép không gỉ và chất tạo màu chỉ thị, bề mặt thân catheter phủ lớp ái nước Hydrophilic - Trục đẩy (back - up) tốt, đáp ứng chuyên động xoay 1-1 - Chống xoắn, giảm thắt nút - Cỡ 6Fr có lòng 0.071" - Có các size 5F; 6F; 7F với nhiều dạng cấu trúc khác nhau	Cái	5
219.	Dây dẫn đường cho bóng và stent loại ái nước đầu linh hoạt, dễ lái	Cấu tạo nhiều đoạn khác nhau phủ lớp ái nước M Coat, có đoạn phủ Silicone, có đoạn phủ PTFE, Các đoạn nối với nhau bằng công nghệ nối đồng trục trực tiếp DuoCore Kích thước: 0.014", dài ≥ 180 cm - Chiều dài đoạn xa có lớp cuộn kim loại phía ngoài: ≥ 25 cm - Chiều dài phần đầu cán quang: ≥ 3 cm Vật liệu: - Phần lõi: Nickel - Titanium - Đoạn đầu của lớp cuộn kim loại: Platinum - Đoạn sau của lớp cuộn kim loại : thép không gỉ Lớp phủ: - Cho lớp cuộn thép không gỉ : Hydrophilic coating (M coat) - Cho đoạn gần và đoạn giữa: PTFE coating và Silicon coating Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, EC	Cái	400
220.	Catheter (ống thông) chụp động mạch vành hai bên phải và trái đường động mạch quay	Cấu tạo: - Lớp trong và lớp ngoài là Nylon rich Polyurethan. - Lớp giữa là lớp đan kép. Hình dáng đặc trưng của đầu tip: Judkin right hoặc Judkin left, hoặc Pigtail Kích thước: - Chiều dài: 100 cm Tiêu chuẩn: ISO, EC	Cái	400



✓

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
221.	Dây dẫn đường catheter	Lõi là vật liệu Nitinol, hợp kim siêu đàn hồi. - Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cản quang bằng lớp Tungsten. - Lớp phủ ái nước M coat. Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, hoặc hình chữ J Kích thước: - Chiều dài: ≥ 150 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - 8 cm - Đường kính: 0.035" Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, EC	Cái	800
222.	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Cấu trúc: -Bóng có cấu trúc 3 lớp : lớp giữa là polyamide -Vai bóng ngắn chỉ ≤ 3.0 mm -Thông số trục đáy bóng +Đầu vào ≥ 0.43 mm + Độ dài trục: ≥ 145 cm Lớp phủ ái nước: Hydrophilic Coating Kích thước: - Đường kính 2.0 - 4.5mm. Dài 6 - 30mm Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, EC	Cái	100
223.	Bóng nong mạch vành áp lực thường không phủ thuốc biên dạng thấp có gắn cản quang	Cấu trúc: -Bóng nong được làm bằng vật liệu Polyamide. -Đường kính thân bóng vượt tổn thương: ≤ 0.58 mm -Bóng được phủ lớp ái nước M Coat -Thông số trục đáy bóng +Đầu vào ≤ 0.41 mm +Đoạn kết nối giữa bóng và đầu tip (bonding part) được sử dụng công nghệ đặc biệt để ngắn hơn, chỉ ≤ 0.4 mm. + Độ dài trục: 145 cm Kích thước: Đường kính: 1.0 - 4.0mm. Dài 5 - 20mm Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, EC	cái	85
224.	Dây nối chữ y các cỡ	Dây nối chữ Y sử dụng truyền dung dịch liệt tim chiều dài: 25.4cm.	Cái	30
225.	Nẹp chữ T 3 lỗ đầu dùng cho vít 3.5mm	Bề dày nẹp 2.5mm, đầu chữ T rộng 38mm, thân nẹp rộng 16mm, góc chéch giữa thân nẹp và đầu nẹp 15° , có từ 3 đến 12 lỗ, dài từ 69 đến 213mm. Sử dụng vít xương cứng 4.5mm. Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ.	Cái	50



STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
226.	Nẹp khóa đầu dưới xương quay, các cỡ, titan	Nẹp dày 1,8mm, có 3, 4, 5 lỗ thân tương ứng chiều dài là 59mm, 67mm, 75mm, sử dụng vít khóa đường kính 2.4mm, 2,7mm. Được chia thành hai loại: bản rộng (Wide) và bản hẹp (Narrow). Chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ISO, CE.	Cái	10
227.	Nẹp khóa ốp mâm chày ngoài, trong, phải, trái, các cỡ, titan	Nẹp khóa đầu trên xương đùi uốn cong ở đầu gần, đầu nẹp có 2 lỗ bắt vít khóa đường kính 7.5mm, cổ nẹp có 01 lỗ bắt vít khóa đường kính 5.0mm hoặc, còn lại thân nẹp có từ 2 đến 16 lỗ sử dụng vít khóa đường kính 4.5mm và 5.0mm, dài từ 139mm đến 391 mm, thân nẹp rộng 18mm. Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ.	Cái	30
228.	Nẹp lòng máng các cỡ	Bề dày nẹp 1mm, rộng nẹp 9mm, khoảng cách các lỗ bắt vít là 12mm trong đó duy nhất khoảng cách giữa hai lỗ ở giữa nẹp là 16mm, có từ 4, 6, 7, 8 lỗ và chiều dài từ 49mm đến 97mm. Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ.	Cái	90
229.	Vít khóa các cỡ	Vít khóa đường kính 2.4mm và 2.7mm: Đường kính mũ vít 4mm, đường kính lỗ bắt tuốc nơ vít trên đầu mũ vít là 1.5mm, đường kính thân vít lần lượt là 2.4mm và 2.7mm, dài từ 6mm đến 40mm. Đối với vít khóa đường kính 3.5mm: Đường kính mũ vít là 6mm, đường kính lỗ bắt tuốc nơ vít trên đầu mũ vít là 2.5mm, đường kính thân vít 3.5mm, dài từ 10 đến 60mm. Cổ mũ vít có ren. Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa.	cái	150
230.	Vít khóa các cỡ	Đường kính mũ vít đều là 8mm, đường kính lỗ bắt tuốc nơ vít trên đầu mũ vít là 3.5mm, đường kính thân vít lần lượt 4.5mm và 5.0mm. Chiều dài từ 20mm đến 90mm. Cổ mũ vít có ren. Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa.	cái	60
231.	Vít khóa các cỡ	Đường kính mũ vít là 8mm, đường kính lỗ bắt tuốc nơ vít trên đầu mũ vít là 4mm, đường kính thân vít là 6.5mm, chiều dài từ 20 đến 100mm. Cổ mũ vít có ren. Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa.	cái	100



STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
232.	Vít khóa các cỡ	Là vít khóa rỗng nòng đường kính 2.2mm. Đường kính mũ vít 9.5mm, đường kính lỗ bắt tuốc nơ vít trên mũ vít là 4mm, đường kính thân vít 7.5mm, đường kính rỗng nòng vít là 2.2mm, chiều dài từ 30mm đến 145mm. Cổ mũ vít có ren. Tương thích đồng bộ với nẹp khóa. Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ	cái	650
233.	Vít chốt đỉnh nội tủy xương chày, xương đùi các cỡ	Loại vít tự ta rô, đường kính vít 4.5mm và có chiều dài từ 25mm đến 75mm. Đầu bắt vít và đầu cổ mũ vít đều có ren, đoạn giữa thân vít là trơn. Đồng bộ với đỉnh nội tủy có chốt ngang. Tiêu chuẩn FDA, chất liệu thép không gỉ.	Cái	600
234.	Vít xương cứng các cỡ	Đường kính mũ vít 6mm, đầu mũ bắt tuốc nơ vít hình lục giác. Đường kính lõi vít 1.9mm, đường kính thân vít có ren 3.5mm, chiều dài từ 10 đến 70mm, tiêu chuẩn ISO, CE. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	2.000
235.	Vít xương cứng các cỡ	Đường kính mũ vít 8mm, đầu mũ bắt tuốc nơ vít hình lục giác. Đường kính lõi vít 3.0mm, đường kính thân vít có ren 4.5mm, chiều dài từ 12 đến 90mm, tiêu chuẩn ISO, CE. Chất liệu thép không gỉ	Cái	4.000
236.	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong trái, phải các cỡ	Nẹp khoá chữ L đầu trên xương chày (loại nhỏ): nẹp sử dụng vít khoá đường kính 3.5mm có chiều rộng là 10mm, dày 3mm, có 4 lỗ đầu và có từ 4 đến 16 lỗ thân, dài từ 69mm đến 225mm. Nẹp khoá chữ L đầu trên xương chày (Loại lớn): nẹp dày 4mm, rộng 12mm, có 3 lỗ đầu sử dụng vít khoá đường kính 5.0mm, thân nẹp có từ 4 đến 14 lỗ sử dụng vít khoá đường kính 4.5mm hoặc 5.0mm, dài từ 82mm đến 262mm và loại vừa Nẹp dày 2.5mm, rộng 16mm. Thân nẹp có từ 4 đến 14 lỗ, chiều dài 90 đến 250mm. Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ	Cái	20
237.	Xương nhân tạo	- Là vật liệu thủy tinh hoạt tính Bioactive glass 45S5 có thành phần cấu tạo 45% SiO ₂ , 24,5% Na ₂ O, 24,5% CaO, 6,0% P ₂ O ₅ - Công dụng: tạo ra ma trận cho sự phát triển của xương và kích thích tế bào gốc - Đóng gói dạng Xi lanh, sử dụng ngay	Hộp	10



✓

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
		không cần pha chế - Đóng gói 10cc trong Xi lanh		
238.	Xương nhân tạo	- Là vật liệu thủy tinh hoạt tính Bioactive glass 45S5 có thành phần cấu tạo 45% SiO ₂ , 24,5% Na ₂ O, 24,5% CaO, 6,0% P ₂ O ₅ - Công dụng: tạo ra ma trận cho sự phát triển của xương và kích thích tế bào gốc - Đóng gói dạng Xi lanh, sử dụng ngay không cần pha chế - Đóng gói 5cc trong Xi lanh	Hộp	10
239.	Đinh rush đường kính các loại	Đường kính từ 2.4 đến 6.0mm, dài từ 40 đến 440mm. Tiêu chuẩn ISO, CE, chất liệu thép không gỉ.	cái	150
240.	Nẹp đỡ chữ L	Chất liệu thép không gỉ. Nẹp có hai lỗ đầu và có từ 3 đến 8 lỗ thân, bề dày nẹp $\geq 2,5$ mm, bề rộng đầu chữ L là $\geq 38,0$ mm, thân nẹp rộng 16mm, nẹp dài từ $\geq 65,0$ mm	Cái	15
241.	Nẹp DHS 135 độ	Chất liệu: Thép không gỉ, Nẹp dày 6mm; thân nẹp rộng ≥ 19 mm - Đồng bộ với vít, vít nén DHS cùng hãng sản xuất	Cái	250
242.	Vít lớn DHS	Chất liệu: Thép không gỉ. Đường kính ren $\geq 12,0$ mm, chiều dài từ ≥ 50 mm. Đồng bộ với nẹp, vít nén DHS cùng hãng sản xuất	Cái	32
243.	Vít nén DHS	Chất liệu: Thép không gỉ. Chiều dài ≥ 28 mm; - đường kính đầu vít ≤ 10 mm; đường kính thân vít $\geq 3,0$ mm. Đồng bộ với nẹp, vít DHS cùng hãng sản xuất.	Cái	250
244.	Đinh Meitaizeau các loại các cỡ	Đường kính từ 1,5 -3,5 mm	cái	40
245.	Nẹp khóa chữ Y bàn ngón, vít 1.5mm	Chất liệu titanium nguyên chất. Số lỗ đầu: 3 lỗ, số lỗ thân: 8 lỗ. Độ dày nẹp 1mm, chiều rộng 4.3mm, chiều dài nẹp 46.35mm	cái	20
246.	Bộ nẹp khóa đầu trên xương trụ (mỏm khuỷu)	Nẹp đầu trên xương trụ rộng 10,2mm, có từ 4 đến 14 lỗ tương ứng với chiều dài từ 68mm đến 188mm	Bộ	10



[Handwritten signature]

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
247.	Nẹp khóa thẳng bàn ngón, vít 1.5mm	Chất liệu titanium nguyên chất. Gồm các cỡ 4, 6 lỗ. Độ dày nẹp 1mm, chiều rộng 4.3mm, chiều dài nẹp 23mm và 36mm.	cái	30
248.	Vít khóa các cỡ	Chất liệu titanium Alloy, tự taro, mũ vít hình sao. Đường kính 1.5mm, đường kính lõi vít 1.1mm. Chiều dài từ 6 - 14mm, bước tăng 1mm; Chiều dài từ 14 - 24mm, bước tăng 2mm.	cái	200
249.	Vít xương xóp rộng nòng các cỡ	Đường kính mũ vít 8mm, đầu mũ bắt tuốc nơ vít hình lục giác, Đường kính lõi vít 1.7mm, đường kính thân vít tính cả ren 4.5mm, chiều dài đoạn ren từ 6.5 đến 32mm, chiều dài vít từ 12 đến 90mm. Tiêu chuẩn ISO, CE. Chất liệu thép không gỉ.	Cái	20
250.	Khung cố định ngoài cẳng chân	8 ốc giữ đỉnh, 2 trục thẳng song song, 8 đỉnh	Bộ	60
251.	Bộ dẫn lưu dịch não tủy ngoài	Bao gồm van chống trào ngược và công lấy mẫu. Dây nối với bệnh nhân dài 150cm, van 4 chiều. Buồng dẫn lưu nhỏ giọt dạng xylanh thể tích 75ml, thể tích túi dẫn lưu 500ml, có thước đo	Bộ	10
252.	Catheter dẫn lưu não thất	Catheter não thất dài 35cm, đường kính ngoài 3-3.3mm, đường kính trong: 1.6-1.9mm, có dụng cụ đặt thả catheter 38cm. Tiêu chuẩn FDA	Cái	10
253.	Miếng ghép sọ não sinh học tự tiêu, cho phép đặt ống dẫn lưu	Chất liệu nhựa sinh học PCL (polycaprolacton). Trạng thái xóp: 40% - 85%. Kích thước lỗ: 250 - 1600 μ m, kích thước: 100mm x 12mm x 5mm. Giúp sự phân bố mạch máu nhanh và đồng đều. Thúc đẩy sự hình thành xương sọ. Miếng ghép tự tiêu sau khi xương được tái tạo. Tiệt trùng bằng tia Gamma	Miếng	20
254.	Bộ dụng cụ đồ xi măng có bóng	Dụng cụ đưa xi măng vào đốt sống: Vật liệu: Hợp kim y tế; Bao gồm ống rộng nòng và dụng cụ đẩy có vạch chia dung tích. Dung tích 1.5cc. Đường kính 4.2mm. TCCL: ISO, CE Hệ thống bơm xi măng - Xi lanh bơm phòng bóng nong: Vật liệu: nhựa y tế. Có đồng hồ đo áp lực bóng qua màn hình LCD, áp lực bơm tối đa 400psi.	Bộ	30

BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HÀ NỘI

✓

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
		<p>Chế độ hiển thị là psi và atm. Đóng gói tiệt trùng sẵn trong hộp. TCCL: ISO, CE</p> <p>Hệ thống bơm-Bóng nong thân đốt sóng: Vật liệu; chủ yếu bằng thép 304, hợp kim y tế và nhựa. Có 2 điểm cảm quang làm bằng vật liệu Platium (90%), Iridium (10%). Chiều dài bóng 15mm. Đồng bộ với xilanh bơm phồng bóng có hiển thị áp lực qua màn hình LCD áp lực 400 psi trong xương xốp. TCCL: ISO, CE</p> <p>Kim chọc dò cuống sống: Vật liệu : Thép 304 và nhựa y tế. Bao gồm:Kim mũi kim cương và trocar. Kích cỡ 11 Gauge. Chiều dài 98mm. Đóng gói tiệt trùng sẵn trong hộp. TCCL: ISO, CE</p> <p>Kim chọc khoan đốt sóng Size 3: Vật liệu : Hợp kim và nhựa y tế. Đường kính ngoài 4.2mm, có vạch chia trên thân 120mm, mũi khoan có vạch chia độ thể hiện độ sâu 40mm, có 2 kim mũi nhọn, 2 đầu tù. Đóng gói tiệt trùng sẵn trong hộp. TCCL: ISO, CE</p> <p>Xi măng sinh học, kèm dung dịch pha: Là loại xi măng có độ kết dính cao, có cảm quang. Thời gian làm việc (tính từ lúc trộn xi măng đến lúc chờ đông) 8 phút ở nhiệt độ 22 độ c. Đóng gói tiệt trùng sẵn trong hộp. Thành phần gồm xi măng bột và dung dịch pha. TCCL: ISO, CE</p>		
255.	Bộ dẫn lưu trong dịch não tủy từ não thất xuống màng bụng - có van loại tự điều chỉnh áp lực kèm que luồn	<p>Chất liệu Silicone và Polypropylene. Thiết kế van tự động đáp ứng tất cả các mức áp lực, không cần sử dụng dụng cụ điều chỉnh bên ngoài. Van tích hợp catheter dẫn lưu bụng dài 110cm. Que luồn: Chất liệu thép không gỉ, chiều dài 60cm, dùng 1 lần</p>	Bộ	10
256.	Nẹp tự tiêu thẳng 4 lỗ dùng vít 2.0mm	Nẹp mặt thẳng 4 lỗ, dùng cho vít chữ thập đk 2.0mm; dày 1.0mm. Màu xám titan nguyên bản. Titanium độ 3 TS-3-2 (tiêu chuẩn ASTM-F67). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE	Cái	100

TINH
I VI
KH
INH
★

✓

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
257.	Nẹp tự tiêu thẳng 6 lỗ dùng vít 2.0mm	Nẹp mặt thẳng 6 lỗ cho vít 2.0mm; dày 1.0mm; Màu xám titan nguyên bản. Titanium độ 3 TS-3-2 (tiêu chuẩn ASTM-F67). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; CE	Cái	60
258.	Vít tự tiêu Mini	Vít đk 2.0 dài từ 7.9mm; đk mũ vít 3.5mm, dài zen tương đương 5.4/7.4mm; chất liệu polymer phân huỷ sinh học Poly (lactide-co-glycolide) (PLGA); đạt tiêu chuẩn ISO 13485;	Cái	700

Ghi chú: Yêu cầu thông số kỹ thuật quy định trên chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu; nhà thầu có thể báo giá những hàng hóa có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn (Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Vì vậy nhà thầu có thể chào các hàng hóa có thương hiệu, ký mã hiệu khác nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “tốt hơn” so với yêu cầu báo giá).





Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa Tỉnh Thái Bình

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện đa khoa Tỉnh Thái Bình, chúng tôi...[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

Số TT	Số TT yêu cầu báo giá	Danh mục thiết bị y tế	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật tương đương	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Phân loại TTBYT	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói	Mã HS	Năm sản xuất	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Số lượng/ Khối lượng	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1		Danh mục A														
2		Danh mục B														
n															

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:, kể từ ngày....tháng....năm.....[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngàytháng....năm...[ghi ngày....tháng...năm...kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].



3. Chúng tôi cam kết

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

....., ngày tháng năm 2023

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế

